

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ PHAN THIẾT
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2025/DS-ST
Ngày: 22-4-2025.
(V/v: Tranh chấp Hợp đồng
tín dụng).

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHAN THIẾT, TỈNH BÌNH THUẬN
Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích N

Các Hội thẩm nhân dân: ông Nguyễn Lê P; bà Lê Thị Kiều T

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Bùi Thị MT, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Thiết tham gia phiên tòa: Bà Trương Thị T - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 4 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 12/2025/TLST-DS, ngày 02 tháng 01 năm 2025, về việc: “Tranh chấp Hợp đồng tín dụng”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 112/2025/QĐXXST-DS ngày 20/02/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 141/2025/QĐST-DS ngày 08/4/2025 giữa:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP V

Địa chỉ: H L, phường L, quận Đ, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: ông Ngô Chí D, chức vụ: Chủ tịch HĐQT

Người đại diện theo ủy quyền: ông Đỗ Thành T, chức vụ: Phó Giám đốc Trung tâm T3 (Văn bản ủy quyền số 38a/2024/UQN-CTQT ngày 01/6/2024).

Ông Đỗ Thành T ủy quyền cho ông Từ Như T1, Chuyên viên xử lý nợ tham gia tố tụng (Văn bản ủy quyền số 47/2024/UQ-VPB ngày 28/10/2024).

Bị đơn: bà Quãng Nhã T2, sinh năm 1993

Địa chỉ: B, đường M nối dài, Khu Phố B, khu phố H, phường P, thành phố P, tỉnh Bình Thuận.

Nơi ĐKKHKT: tổ C, khu phố C, phường T, thành phố P, tỉnh Bình Thuận.

Tại phiên tòa có mặt đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, ông Từ Như T1 trình bày: Ngân hàng TMCP V (Gọi tắt là Ngân hàng), ngày 18/7/2023 và ngày 21/7/2023 bà Quãng Nhã T2 có ký kết với Ngân hàng TMCP V 02 Hợp đồng cho vay không tài sản bảo đảm theo số Hợp đồng LN2307199763253 và

LN2307159734858: Tổng số tiền vay là 962.850.000 đồng (trong đó hợp đồng số LN2307199763253 là 437.850.000 đồng với lãi suất 23%/năm và hợp đồng số LN2307159734858 là 525.000.000 đồng với lãi suất 19%/năm); Mục đích: Tiêu dùng; Lãi suất áp dụng đối với nợ quá hạn bằng 150% lãi suất được công bố.

Quá trình thực hiện hợp đồng vay vốn, bà Quãng Nhã T2 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với Ngân hàng kể từ ngày 03/11/2023. Mặc dù, Ngân hàng rất nhiều lần làm việc yêu cầu bà Quãng Nhã T2 thanh toán nợ, nhưng đến nay bà Quãng Nhã T2 vẫn không thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ quá hạn cho Ngân hàng, vi phạm các điều khoản đã quy định tại các Hợp đồng đã ký.

Ngân hàng TMCP V yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết giải quyết tuyên buộc bà T2 phải trả cho Ngân hàng TMCP V số tiền tạm tính đến ngày 22/4/2025 là: Tổng nợ gốc: 942.138.442 đồng; tổng nợ lãi: 433.090.129 đồng (Trong đó lãi trong hạn: 305.310.687 đồng, lãi quá hạn: 127.779.442 đồng). Tổng cộng: 1.375.228.571 đồng (Bằng chữ: Một tỷ ba trăm bảy mươi lăm triệu hai trăm hai mươi tám ngàn năm trăm bảy mươi một đồng). Cụ thể: 1. Hợp đồng số LN2307199763253: Dư nợ gốc: 433.131.577 đồng; nợ lãi trong hạn: 156.929.351 đồng; Nợ lãi quá hạn: 65.756.307 đồng. 2. Hợp đồng số LN2307159734858: Dư nợ gốc: 509.006.865 đồng; Nợ lãi trong hạn: 148.381.336 đồng; Nợ lãi quá hạn: 62.023.134 đồng.

Buộc bà Quãng Nhã T2 tiếp tục thanh toán lãi phát sinh từ ngày 23/4/2025 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại các Hợp đồng đã ký. Bà Quãng Nhã T2 phải chịu tất cả án phí và các chi phí liên quan khác.

Bị đơn bà Quãng Nhã T2: vắng mặt tại tất cả các buổi làm việc của Tòa án không lý do, Tòa án tổng đạt, niêm yết các văn bản theo quy định của pháp luật nhưng không ghi nhận được ý kiến trình bày của bà T2.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Thiết phát biểu ý kiến: Qua nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thông qua việc kiểm sát thụ lý, lập hồ sơ vụ án và kiểm sát trực tiếp tại phiên tòa, Viện kiểm sát có ý kiến như sau: Về tố tụng: Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định tại Điều 48 BLTTDS năm 2015, xác định đúng thẩm quyền, quan hệ pháp luật tranh chấp và tư cách pháp lý của những người tham gia tố tụng. Về thời hạn chuẩn bị xét xử, thời hạn mở phiên tòa, Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 203 BLTTDS năm 2015. Thời hạn gửi hồ sơ cho VKS nghiên cứu đúng theo quy định tại Điều 220 BLTTDS năm 2015, việc cấp, tổng đạt các văn bản tố tụng cho đương sự và Viện kiểm sát đúng các quy định của BLTTDS năm 2015.

- Về nội dung: Viện kiểm sát thấy rằng tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án thể hiện đầy đủ nên căn cứ vào các Điều 70, 71, 91, Điều 147, Điều 227, Điều 233, Điều 235 BLTTDS 2015; Điều 463, Điều 465, Điều 466, Điều 468 BLDS 2015, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn bà Quãng Nhã T2 phải trả cho Ngân hàng TMCP V toàn bộ số tiền gốc, lãi, phí, chi phí tố tụng khác theo 02 Hợp đồng cho vay không tài sản bảo đảm số Hợp đồng LN2307199763253 và LN2307159734858 tính đến ngày 22/4/2025, đồng thời bà T2 phải tiếp tục trả các khoản lãi phát sinh theo các Hợp đồng nêu trên từ ngày 23/4/2025 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ các khoản

nợ cho Ngân hàng TMCP V. Ngoài ra Bị đơn còn phải chịu án phí và các chi phí tố tụng khác.

Vụ án đã được Tòa án hòa giải nhưng không thành.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, nghe kết quả tranh tụng tại phiên tòa, nghe ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Thiết, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết và thời hiệu:

Đây là vụ án tranh chấp Hợp đồng tín dụng, tại thời điểm ký kết hợp đồng bị đơn bà Quảng Nhã T2, sinh năm 1993, có nơi ĐKKHTT tại tổ C, khu phố C, phường T, thành phố P, tỉnh Bình Thuận, nên căn cứ vào khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết.

Về thời hiệu khởi kiện: theo quy định tại Điều 429 Bộ luật Dân sự thì thời hiệu khởi kiện để yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp hợp đồng là 03 năm, kể từ ngày người có yêu cầu biết hoặc phải biết quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm, bà Quảng Nhã T2 đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán kể từ ngày 03/11/2023 nên vụ án vẫn còn thời hiệu.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Ngân hàng TMCP V yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết giải quyết tuyên buộc bà Quảng Nhã T2 phải trả cho Ngân hàng TMCP V số tiền tạm tính đến ngày 22/4/2025 tổng nợ gốc: 942.138.442 đồng; tổng nợ lãi: 433.090.129 đồng (Trong đó lãi trong hạn: 305.310.687 đồng, lãi quá hạn: 127.779.442 đồng). Tổng cộng: 1.375.228.571 đồng (Bằng chữ: Một tỷ ba trăm bảy mươi lăm triệu hai trăm hai mươi tám ngàn năm trăm bảy mươi một đồng).

Buộc bà Quảng Nhã T2 tiếp tục thanh toán lãi phát sinh từ ngày 23/4/2025 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại các Hợp đồng tín dụng số LN2307199763253 và LN2307159734858. Bà Quảng Nhã T2 phải chịu tất cả án phí và các chi phí liên quan khác.

Xét yêu cầu trên HĐXX nhận thấy: giữa Ngân hàng TMCP V và bà Quảng Nhã T2 ngày 18/7/2023 và ngày 21/7/2023 có ký kết 02 Hợp đồng cho vay không tài sản bảo đảm số Hợp đồng LN2307199763253 và LN2307159734858.

Sau khi được giải ngân, bà Quảng Nhã T2 đã thực hiện các giao dịch đến ngày 03/11/2023 và khoản vay đã quá hạn. Sau khi vay vốn bà T2 đã thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền là 66.021.196 đồng, dư nợ tính đến ngày 22/4/2025 là: tổng nợ gốc: 942.138.442 đồng; tổng nợ lãi: 433.090.129 đồng (Trong đó lãi trong hạn: 305.310.687 đồng, lãi quá hạn: 127.779.442 đồng). Tổng cộng: 1.375.228.571 đồng (Bằng chữ: Một tỷ ba trăm bảy mươi lăm triệu hai trăm hai mươi tám ngàn năm trăm bảy mươi một đồng).

Các bên ký kết hợp đồng trên cơ sở tự nguyện thỏa thuận bởi những người có đủ thẩm quyền. Về hình thức, nội dung của hợp đồng cũng không vi phạm điều cấm, không trái với các quy định của pháp luật và đạo đức xã hội nên các hợp đồng tín dụng các bên đã ký là hợp pháp. Do vậy, sau khi ký thì các bên đã phát

sinh quyền và nghĩa vụ nên buộc các bên phải có nghĩa vụ thực hiện đúng các điều khoản đã ký kết trong các hợp đồng.

Quá trình thực hiện hợp đồng: Ngân hàng đã thực hiện đúng nghĩa vụ của mình giải ngân số tiền cho vay, bà T2 đã nhận đủ số tiền vay của các hợp đồng tín dụng nêu trên, tuy nhiên, sau đó bà T2 không thực hiện việc trả nợ đúng hạn, làm phát sinh nợ quá hạn, đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo Hợp đồng vay nợ. Số nợ tạm tính đến ngày 22/4/2025 là 1.375.228.571 đồng (Bằng chữ: Một tỷ ba trăm bảy mươi lăm triệu hai trăm hai mươi tám ngàn năm trăm bảy mươi một đồng).

Ngân hàng đã nhiều lần gọi điện thông báo, gửi Thông báo nợ nhằm xử lý khoản nợ quá hạn nhưng bà T2 thường xuyên không thực hiện theo cam kết trả nợ cho Ngân hàng. Chứng tỏ phía bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, không thực hiện đúng các nội dung đã ký kết trong các hợp đồng, việc Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bị đơn trả nợ là phù hợp.

Về tiền lãi: Do 02 Hợp đồng cho vay không tài sản bảo đảm số LN2307199763253 và LN2307159734858 bà T2 đã ký với Ngân hàng TMCP V phù hợp với các quy định của pháp luật nên các bên phải tuân thủ đúng nội dung của hợp đồng. Phía bị đơn phải trả tiền lãi như các hợp đồng đã ký kết. Tại phiên tòa nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả tổng nợ lãi 433.090.129 đồng (Trong đó lãi trong hạn: 305.310.687 đồng, lãi quá hạn: 127.779.442 đồng) và yêu cầu lãi phát sinh kể từ ngày 23/4/2025 theo thỏa thuận trong các hợp đồng cho đến khi trả dứt nợ cho Ngân hàng là có cơ sở chấp nhận.

Từ những nhận định trên, HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát thành phố P là phù hợp.

[3] Về án phí:

Nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện nên không phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm. Bị đơn phải chịu toàn bộ chi phí tố tụng và án phí Dân sự sơ thẩm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ vào: Điều 5, khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 91, Điều 147, Điều 227, Điều 233, Điều 235 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 463, Điều 465, Điều 466, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; Luật Thi hành án Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban T4 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

2. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc bà Quảng Nhã T2 phải trả cho Ngân hàng TMCP V tổng số tiền nợ tính đến ngày 22/4/2025 là 1.375.228.571 đồng (Bằng chữ: Một tỷ ba trăm bảy mươi lăm triệu hai trăm hai mươi tám ngàn năm trăm bảy mươi một đồng). Cụ thể tổng nợ gốc: 942.138.442 đồng; tổng nợ lãi: 433.090.129 đồng, (Trong đó lãi

trong hạn: 305.310.687 đồng, lãi quá hạn: 127.779.442 đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (23/4/2025) bà Quãng Nhã T2 còn phải tiếp tục thực hiện trả toàn bộ số tiền lãi phát sinh cho đến khi thanh toán hết các khoản nợ và các khoản phí, lệ phí theo quy định đã ký kết của 02 Hợp đồng cho vay không tài sản bảo đảm số LN2307199763253 và LN2307159734858.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về án phí: Do yêu cầu của Nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn Ngân hàng TMCP V không phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm. Bà Quãng Nhã T2 phải chịu 53.256.857 đồng án phí Dân sự sơ thẩm. Ngày 30/12/2024 nguyên đơn đã nộp 23.468.000 đồng tạm ứng án phí theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002594 do Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phan Thiết thu nay được hoàn trả cho Ngân hàng TMCP V.

4. Về quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm công khai, các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, đối với nguyên đơn kể từ ngày tuyên án (22/4/2025), đối với bị đơn vắng mặt, kể từ ngày nhận bản án hoặc niêm yết bản án nơi cư trú.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự
- Viện kiểm sát nhân dân TP Phan Thiết
- CC. Thi hành án dân sự TP P
- Lưu.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Bích N